

Số: 05/2024/DS-ST

Ngày 08/8/2024

Về việc : Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HOÀ BÌNH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Bùi Thị Mai Linh***

*Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Bùi Văn Nghiệp** và ông **Ngô Trung Tính***

*Thư ký tòa án ghi biên bản : Bà **Bùi Hồng Duyên***

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa : Bà **Bùi Thanh Lương** – Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc: *Tranh chấp đòi lại tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn : Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982.

ĐKHKTT: Đội 2, thôn K, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn : Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962.

ĐKHKTT : Xóm B, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày :

Do có quan hệ quen biết, bà **T** là bạn bè thân thiết với bố mẹ chị nên ngày 14/03/2019 chị có cho bà **Nguyễn Thị T** vay số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn buôn bán. Khi vay hai bên có viết Giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày 14/03/2019. Trong giấy vay tiền có ghi lãi suất thỏa thuận miệng nhưng thực tế chị không tính lãi. Sau 15 ngày, chị có đến nhà bà **T** để đòi tiền nhưng bà **T** không trả và còn thách thức chị.

Ngoài ra, bà **T** còn vay chị tiền để đi lễ mỗi lần vay lật vạt một vài triệu không làm giấy tờ gì nên ngày 23/12/2019 khi bà **T** sang quán gội đầu chị hỏi vay 3.000.000 đồng chị vẫn đồng ý cho vay và bảo con gái chị là **Nguyễn Thị Q** viết giấy để ghi lại cụ thể các đợt bà **T** vay tiền vì sợ bị quên, cháu **Q** đã ghi lại 05 đợt vay tiền đi lễ của bà **T** cụ thể: Đợt 1 là 2.400.000 đồng; Đợt 2 là 2.000.000 đồng; Đợt 3 là 4.500.000 đồng; Đợt 4 là 2.000.000 đồng và đợt 5 vào ngày 23/12/2019 là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 13.900.000 đồng. Khi cháu **Q** viết giấy không có dòng chữ “ Con gái chị **H** biên nhận chị **H** cầm tiền ” chị không biết dòng chữ này do ai viết thêm vào, hiện chị vẫn còn lưu giữ hình ảnh tờ giấy này do chị tự chụp lại trong điện thoại của chị, giờ chụp vào lúc 20 giờ 29 phút ngày 23/12/2019. Do đó, việc bà **T** nói 13.900.000 đồng là số tiền bà **T**

đã trả nợ cho chị là không đúng. Do khi bà **T** vay số tiền 13.900.000 đồng chị không yêu cầu bà **T** ký xác nhận nên nay chị không có căn cứ để khởi kiện mà chỉ khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền 10.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 14/03/2019, chị không yêu cầu tính lãi.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Bị đơn bà **Nguyễn Thị T** trình bày :*

Vào ngày 14/03/2019 bà có vay chị **H** số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn, hai bên có viết Giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là sau 15 ngày kể từ ngày 14/03/2019 và có thỏa thuận miệng về việc tính lãi. Bà đã trả tiền cho chị **H** làm 05 đợt cụ thể: Đợt 1 là 2.400.000 đồng; Đợt 2 là 2.000.000 đồng; Đợt 3 là 4.500.000 đồng; Đợt 4 là 2.000.000 đồng và đợt 5 là 3.000.000 đồng, tổng số tiền bà đã trả cho chị **H** là 13.900.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi. Mỗi lần trả tiền bà đều ký tên vào sổ do chị **H** đang giữ nên bà không có tài liệu để giao nộp, chứng minh là bà đã trả nợ cho chị **H** mà chỉ có tờ giấy do con gái chị **H** viết. Bà thừa nhận dòng chữ “ Con gái chị **H** biên nhận chị **H** cầm tiền ” là do bà tự viết thêm vào, con gái chị **H** chỉ viết nội dung 05 đợt nhận tiền bên dưới. Nay chị **H** khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 10.000.000 đồng bà không đồng ý, vì bà đã trả đủ cho chị **H** toàn bộ tiền gốc và lãi.

Do các đương sự không thống nhất được về toàn bộ nội dung vụ án nên vụ án phải đưa ra xét xử.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tại phiên tòa :*

- Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án : Đề nghị HĐXX :

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Căn cứ các Điều 155; 166; 280; 357; 429; 463; 466; 468 và Điều 470 BLDS 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn : Buộc bà **Nguyễn Thị T** có nghĩa vụ trả cho chị **Nguyễn Thị H** số tiền nợ gốc là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

*Kể từ ngày chị **H** có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà **T** không trả số tiền trên thì hàng tháng bà **T** phải chịu thêm phần tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng :

Hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự mà cụ thể thể là tranh chấp “Đòi lại tài sản”. Bị đơn có đăng ký thường trú tại xóm B, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

[2] Về nội dung vụ án :

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong Hồ sơ vụ án HĐXX nhận thấy :

Nguyên đơn cho rằng bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng theo “Giấy vay tiền” được xác lập ngày 14/03/2019, quá thời hạn trả tiền nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn đã khởi kiện đòi lại số tiền này. Quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn đều thừa nhận có vay mượn của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn buôn bán, khi vay hai bên có viết “Giấy vay tiền” vào ngày 14/03/2019, thỏa thuận thời hạn vay là 15 ngày tính kể từ ngày 14/03/2019. Xét thấy, sự thừa nhận của các bên đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX có căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự vay mượn tiền là có thật.

Hết thời hạn cho vay, nguyên đơn trình bày đã đến nhà bị đơn để đòi tiền nhưng bị đơn không trả và thách thức nguyên đơn nên dẫn đến việc nguyên đơn khởi kiện. Phía Bị đơn cho rằng, bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn làm 05 đợt cụ thể: Đợt 1 là 2.400.000 đồng; Đợt 2 là 2.000.000 đồng; Đợt 3 là 4.500.000 đồng; Đợt 4 là 2.000.000 đồng và đợt 5 là 3.000.000 đồng với tổng số tiền là 13.900.000 đồng theo nội dung tờ giấy mà con gái của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q viết vào ngày 23/12/2019 nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận và cho rằng số tiền này là tổng số tiền cộng dồn những khoản vay khác của bị đơn. Xét thấy, trong nội dung tờ giấy viết tay mà bị đơn giao nộp cho Tòa án không có chữ ký hay xác nhận của nguyên đơn về việc bị đơn đã trả tiền, dòng chữ “Con gái chị H biên nhận chị H cầm tiền” bị đơn đã thừa nhận tự ý viết thêm vào. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp cho Tòa án bản gốc tờ giấy viết tay có nội dung biên nhận chị H cầm tiền 05 đợt với tổng số tiền 13.900.000 đồng nêu trên và cũng không đưa ra được chứng cứ khác chứng minh về việc bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 155, Điều 166 và Điều 429 BLDS thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại tài sản, chủ sở hữu có quyền yêu cầu người chiếm hữu phải trả lại tài sản đó. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng).

Đối với số tiền 13.900.000 (Mười ba triệu chín trăm nghìn) đồng, trong vụ án này nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp có phát sinh tranh chấp nguyên đơn có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí : Các đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Căn cứ các Điều 155;156; 280; 357; 429; 463; 466; 468 và Điều 470 BLDS 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn : Buộc bà **Nguyễn Thị T** có nghĩa vụ trả cho chị **Nguyễn Thị H** số tiền nợ gốc là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

*Kể từ ngày chị **H** có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà **T** không trả số tiền trên thì hàng tháng bà **T** phải chịu thêm phần tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Bà **Nguyễn Thị T** phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

H1 lại chị **Nguyễn Thị H** 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình theo Biên lai THA số 0003143 ngày 10/01/2024.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THADS huyện Kim Bôi;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mai Linh